

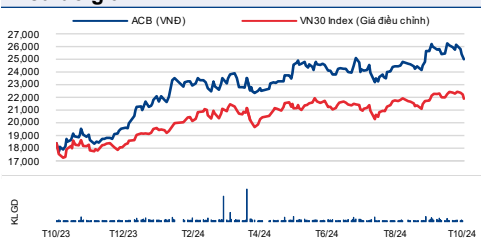
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ30,600
Tiềm năng tăng/giảm: 22.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/10/2024)	25,000
Mã Bloomberg	ACB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,724-26,250
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	25,400
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	111,667
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,396
Slg CP lưu hành (tr.đv)	4,467
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,340
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	30.0%
Tỷ lệ freefloat	77.7%
Cổ đông lớn	VEIL (5.48%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	719	804	948
Dư nợ cho vay (ntđ)	488	570	656
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	32.7	35.5	42.4
Lợi nhuận thuần (ntđ)	16.0	17.6	19.7
BVPS (đồng)	15,886	18,757	22,052
EPS (đồng)	3,503	3,840	4,295
DPS (đồng)	508	870	1,000
T.trưởng cho vay KH (%)	17.9	16.9	15.1
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	13.7	8.30	19.5
Tăng trưởng EPS (%)	15.6	9.63	11.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	71.3	15.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	14.5	22.6	23.3
ROAE (%)	24.8	22.7	21.6
ROAA (%)	2.42	2.31	2.25
Tỷ lệ NIM (%)	3.87	3.97	4.08
Tỷ lệ CIR (%)	33.2	31.0	33.3
Hệ số CAR (%)	12.5	13.3	13.2
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.21	1.50	1.40
LLR/nợ xấu (%)	91.2	77.5	80.8
Hệ số LDR (%)	101	106	98.9
P/B (lần)	1.57	1.33	1.13
P/E (lần)	7.14	6.51	5.82
Lợi suất cổ tức (%)	2.03	3.48	4.00

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Á Châu là một trong những ngân hàng tư nhân lớn nhất tại Việt Nam, tập trung vào phân khúc khách hàng cá nhân và DN/VN.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q3 giảm 3,8%, thấp hơn một chút so với dự báo

- LNTT Q3/2024 giảm 3,8% so với cùng kỳ và giảm 13,5% so với quý trước xuống 4,8 nghìn tỷ đồng. LNTT 9 tháng đầu năm 2024 đạt 15,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2,1% so với cùng kỳ và bằng 70% dự báo cả năm của chúng tôi. Kết quả này thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi.
- Lợi nhuận thấp hơn dự báo do tăng trưởng tín dụng giảm tốc, tỷ lệ NIM thấp hơn kỳ vọng và chi phí hoạt động cao hơn dự báo. Mặc dù ACB có khả năng không hoàn thành kế hoạch tăng trưởng trong năm nay nhưng chúng tôi vẫn cho rằng KQKD 9 tháng đầu năm 2024 của Ngân hàng là tích cực hơn so với ngành.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu. ACB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 là 1,13 lần, cao hơn một chút so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,05 lần.

Sự kiện: Họp báo KQKD Q3 tổ chức ngày 25/10/2024

ACB đã công bố KQKD Q3/2024 kém khả quan với LNTT đạt 4.844 tỷ đồng, giảm 3,8% so với cùng kỳ và giảm 13,5% so với quý trước. Lợi nhuận giảm so với cùng kỳ do lãi mua bán trái phiếu giảm, đúng như kế hoạch của BLĐ và dự báo của chúng tôi. Tuy nhiên, tăng trưởng theo quý thấp hơn so với dự báo của chúng tôi do tỷ lệ NIM và lãi thuần HĐ dịch vụ thấp hơn kỳ vọng cùng với chi phí hoạt động cao hơn dự báo. LNTT 9 tháng đầu năm 2024 đạt 15.334 tỷ đồng, chỉ tăng 2,1% so với cùng kỳ và bằng 70% kế hoạch của BLĐ cũng như dự báo cả năm của chúng tôi. BLĐ hiện kỳ vọng LNTT cả năm 2024 tăng trưởng 5%, giảm so với kế hoạch ban đầu là tăng trưởng 10%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 25/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024 & 9 tháng đầu năm 2024 (tỷ đồng), ACB

KQKD 9 tháng đầu năm 2024 bằng 70% dự báo cả năm của chúng tôi

	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ	% dự báo của HSC
Thu nhập lãi thuần	6,209	6,881	10.8%	18,670	20,715	11.0%	70.3%
Thu nhập ngoài lãi	2,215	1,255	-43.4%	5,698	4,241	-25.6%	70.9%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	764	747	-2.1%	2,195	2,370	8.0%	69.5%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	316	167	-47.2%	1,081	826	-23.6%	57.2%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	950	119	-87.5%	1,471	463	-68.5%	119.9%
Thu nhập khác	147	203	37.9%	877	551	-37.2%	79.9%
Lợi nhuận từ các khoản góp vốn mua cổ phần	39	20	-50.1%	74	31	-57.7%	57.0%
Tổng thu nhập HĐ	8,424	8,136	-3.4%	24,368	24,956	2.4%	70.4%
Chi phí HĐ	2,868	2,934	2.3%	7,861	8,163	3.8%	74.3%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	5,556	5,202	-6.4%	16,507	16,793	1.7%	68.6%
Dự phòng	521	358	-31.2%	1,483	1,458	-1.6%	59.1%
LNTT	5,035	4,844	-3.8%	15,024	15,334	2.1%	69.7%
Lợi nhuận thuần	4,038	3,870	-4.1%	12,038	12,244	1.7%	69.6%

Nguồn: ACB, HSC

Tín dụng tăng trưởng chậm lại, huy động tăng tốc

Tính đến Q3/2024, tín dụng hợp nhất tăng 13,8% kể từ đầu năm, cao hơn một chút so với mức tăng trưởng cho tới hết Q2/2024 là 12,8%. Mức tăng trưởng Q3/2024 là nhờ phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn, trong khi phân khúc DNNVV và khách hàng cá nhân gần như đi ngang so với cuối Q2/2024. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, tín dụng phân khúc khách hàng cá nhân tăng 12,3%, chiếm 65% tổng danh mục tín dụng, trong khi phân khúc DNNVV và khách hàng doanh nghiệp lớn tăng lần lượt 7,7% và 50,6%, chiếm lần lượt 27% và 8% tổng danh mục tín dụng.

Trái ngược với đà giảm tốc của tín dụng, tổng tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng mạnh trong Q3/2024. Mức tăng trưởng trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 12,6%, cao hơn 4,5% so với mức tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2024 là 8,1%, nhờ phát hành trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi tăng lên trong kỳ, trong khi tiền gửi khách hàng vẫn đi ngang so với cuối Q2/2024. BLĐ chia sẻ rằng giấy tờ có giá mới phát hành giúp cố định mức lãi suất hấp dẫn dành cho các gói cho vay trung dài hạn chào đến khách hàng.

Từ đó, hệ số LDR điều chỉnh (tổng dư nợ cho vay & TPDN chia cho tổng tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) giảm nhẹ xuống 92,1% từ 95,1%. Tuy nhiên, hệ số LDR theo quy định tăng nhẹ từ 78,1% lên 82,4% do tiền gửi LNH giảm xuống.

Tỷ lệ NIM thấp hơn dự báo

Tỷ lệ NIM giảm 35 điểm cơ bản so với cùng kỳ và giảm 25 điểm cơ bản so với quý trước. Sự sụt giảm so với quý trước là do (1) lợi suất gộp đi ngang trong khi chi phí huy động tăng 29 điểm cơ bản so với quý trước và (2) hệ số LDR giảm xuống như đã phân tích trước đó.

Lợi suất gộp vẫn ở mức khoảng 6,8% trong quý thứ 3 liên tiếp, thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi là 7%, do huy động tăng mạnh hơn, từ đó dẫn đến việc phân bổ nhiều hơn vào tài sản có lợi suất gộp thấp hơn (bao gồm trái phiếu và tiền gửi LNH). Trong khi đó, lợi suất cho vay bình quân gần như đi ngang, đúng như dự báo. Chi phí huy động tăng mạnh hơn dự báo của chúng tôi từ 3,3% trong Q2 lên 3,6% trong Q3 (dự báo của chúng tôi là 3,4%) do tỷ trọng giấy tờ có giá tăng lên (chi phí huy động cao hơn) trong cơ cấu vốn và tác động lớn hơn dự báo của các gói ưu đãi lãi suất huy động áp dụng kể từ Q2 vốn không phản ánh vào lãi suất tiền gửi niêm yết.

Theo BLĐ, do nhu cầu tín dụng thấp và cạnh tranh cao trong ngành, triển vọng tỷ lệ NIM cải thiện vẫn chưa rõ ràng.

Chất lượng tài sản vững chắc

Chất lượng tài sản cải thiện nhẹ so với Q2 với tỷ lệ nợ xấu gần như đi ngang ở mức 1,5% và tỷ lệ nợ nhóm 2 ở mức 0,6%, trong khi nợ xấu mới hình thành theo quý giảm xuống. Các khoản vay được tái cơ cấu theo Thông tư 02 giảm mạnh từ 4,8 nghìn tỷ đồng trong Q2 xuống 1,3 nghìn tỷ đồng trong Q3, chỉ chiếm 0,2% tổng dư nợ cho vay. Nhìn chung, chất lượng tài sản vẫn thuộc nhóm đầu trong ngành và đúng như dự báo của chúng tôi.

Hệ số CIR 9 tháng đầu năm 2024 đi ngang so với cùng kỳ

Hệ số CIR Q3 tăng lên 36,1% sau khi giảm xuống 28,5% trong Q2. Hệ số CIR trong 9 tháng đầu năm 2024 hiện ở mức 33%, tương đương năm 2023. Điều này, cùng với việc BLĐ hạ kế hoạch tăng trưởng LNTT năm 2024, cho thấy ACB quyết định không thắt chặt chi phí hoạt động để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng, do đó kết quả thực hiện cả năm có thể thấp hơn dự báo của chúng tôi.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Mặc dù lợi nhuận thấp hơn một chút so với dự báo, HSC vẫn cho rằng KQKD 9 tháng đầu năm 2024 của ACB là tích cực hơn so với ngành. Hệ số ROE của Ngân hàng vẫn hơn 20%, đứng hàng đầu trong ngành, với chất lượng tài sản tốt. Chúng tôi duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu. ACB đang giao dịch với P/B

và P/E dự phóng năm 2025 lần lượt là 1,13 lần và 5,8 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân lần lượt ở mức 1,05 lần và 6,5 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	40.7	52.3	51.9	63.4	75.5
Chi phí lãi	(17.2)	(27.4)	(22.4)	(28.5)	(34.7)
Thu nhập lãi thuần	23.5	25.0	29.5	34.9	40.7
Lãi thuần HĐ dịch vụ	3.53	2.92	3.41	4.04	4.65
Lãi thuần HĐ KDNH	1.05	1.11	1.45	1.59	1.90
Lãi/lỗ từ mua bán CK	(0.37)	2.82	0.39	0.77	0.99
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.06	0.08	0.05	0.05	0.05
Thu nhập khác	0.99	0.86	0.69	0.98	1.50
Tổng thu nhập HĐ	28.8	32.7	35.5	42.4	49.8
Chi phí HĐ	(11.6)	(10.9)	(11.0)	(14.1)	(16.2)
LN trước dự phòng	17.2	21.9	24.5	28.3	33.6
Chi phí dự phòng	(0.07)	(1.80)	(2.47)	(3.69)	(3.94)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	17.1	20.1	22.0	24.6	29.7
Chi phí thuế TNDN	(3.43)	(4.02)	(4.42)	(4.92)	(5.94)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	13.7	16.0	17.6	19.7	23.7
EPS (đồng)	3,031	3,503	3,840	4,295	5,183
DPS (đồng)	0	508	870	1,000	1,150
Sig CP bình quân (triệu đv)	4,467	4,467	4,467	4,467	4,467
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	4,467	4,467	4,467	4,467	4,467
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	4,467	4,467	4,467	4,467	4,467

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	8.46	6.91	7.20	8.74	10.3
Tiền gửi tại NHNN	13.7	18.5	16.2	19.9	23.4
Tiền gửi tại các TCTD khác	86.0	115	116	142	174
Chứng khoán kinh doanh	1.13	7.18	6.32	10.8	13.6
Các công cụ tài chính phái sinh	0.10	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	409	482	563	648	746
Tổng dư nợ cho vay	414	488	570	656	754
Dự phòng rủi ro	(4.85)	(5.37)	(6.62)	(7.42)	(8.49)
Chứng khoán đầu tư	75.5	73.5	78.9	99.7	125
CK đầu tư sẵn sàng để bán	31.9	44.9	63.2	67.4	84.4
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	43.7	28.6	15.8	32.3	40.5
Dự phòng rủi ro	0	0	(0.01)	(0.00)	(0.00)
Đầu tư dài hạn	0.15	0.14	0.13	0.13	0.13
Tài sản cố định	4.16	4.94	4.87	5.02	5.17
Tài sản khác	9.86	10.6	10.9	13.9	16.3
Tổng tài sản	608	719	804	948	1,114
Nợ phải trả	549	648	720	850	997
Tiền gửi của NHNN	0.51	0.00	0.02	0.02	0.02
Tiền gửi của các TCTD khác	67.8	89.5	96.9	78.7	90.5
Tổng tiền gửi KH	414	483	540	663	780
Trái phiếu và CCTG	44.3	52.4	60.0	65.6	77.2
Nợ khác	22.8	23.1	23.4	42.6	49.0
Vốn chủ sở hữu	58.4	71.0	83.8	98.5	117
Vốn điều lệ	33.8	38.8	44.7	51.4	59.1
Thặng dư vốn cổ phần	0.27	0.27	0.27	0.27	0.27
Lợi nhuận giữ lại	15.2	20.3	24.8	29.6	36.4
Quỹ & vốn khác của CSH	9.22	11.6	14.0	17.2	20.8
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	608	719	804	948	1,114
BVPS (đồng)	13,083	15,886	18,757	22,052	26,084

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	15.2	18.2	11.8	18.0	17.4
Tăng trưởng cho vay KH (%)	14.3	17.9	16.9	15.1	15.1
Tăng trưởng huy động KH (%)	8.96	16.6	11.8	22.8	17.7
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	11.6	16.8	12.1	21.5	17.7
Tăng trưởng VCSH (%)	30.2	21.4	18.1	17.6	18.3
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	24.2	6.06	18.1	18.5	16.6
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	41.0	(6.30)	1.01	28.3	15.1
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	12.1	27.3	11.9	15.5	18.9
Tăng trưởng LNTT (%)	42.6	17.3	9.69	11.7	20.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	42.5	17.2	9.64	11.8	20.7
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.07	4.94	4.66	4.84	4.83
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.04)	(1.64)	(1.44)	(1.61)	(1.57)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	97.2	97.2	97.6	97.8	97.8
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.21	2.40	2.52	2.93	3.34
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	35.6	41.8	45.8	50.8	61.3
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	8.25	7.14	6.51	5.82	4.82
P/B (lần)	1.91	1.57	1.33	1.13	0.96
Lợi suất cổ tức (%)	0	2.03	3.48	4.00	4.60

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	47.5	49.0	49.6	46.4	47.6
ROAA (%)	2.41	2.42	2.31	2.25	2.30
ROAE (%)	26.5	24.8	22.7	21.6	22.1
Chi phí huy động BQ (%)	3.46	4.76	3.39	3.79	3.96
Lợi suất góp BQ (%)	7.38	8.12	6.98	7.40	7.49
Lợi suất thuần (%)	3.91	3.36	3.59	3.62	3.53
Tỷ lệ NIM (%)	4.26	3.87	3.97	4.08	4.04
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	12.2	8.92	9.61	9.54	9.34
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	81.7	76.2	83.1	82.4	81.8
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	18.3	23.8	16.9	17.6	18.2
Tỷ lệ CIR (%)	40.3	33.2	31.0	33.3	32.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	14.5	22.6	23.3	22.2
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.8	12.5	13.3	13.2	13.4
VCSH/Tổng TS (%)	9.61	9.87	10.4	10.4	10.5
Đòn bẩy vốn (lần)	10.4	10.1	9.60	9.63	9.56
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.74	1.21	1.50	1.40	1.20
Hệ số LLR (%)	159	91.2	77.5	80.8	93.8
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	99.9	101	106	98.9	96.7
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	12.9	14.3	13.9	9.75	9.55
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	68.1	67.8	70.9	69.1	67.8
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	384	384	384	387	387
Số lượng nhân viên	13,035	13,655	14,064	14,485	14,919

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn